

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
 FORM FOR PEOPLE WITH NO DOCUMENTS

Date:

Ngày:

Questionnaire in English
 is available. If you cannot
 read English, fill it out in

Mail or send the completed
 questionnaire to:
 Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabura Building
 Sathorn Tai Road
 Bangkok 10120
 Thailand

Form câu hỏi sau đây bằng tiếng
 Việt cũng có sẵn. Nếu bạn không đọc
 được tiếng Anh thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Information Data/Lý lịch căn bản

1. Name
 Họ, tên

NGUYỄN THỊ TUYẾT

Sex:
 Giới tính

2. Other Names
 Họ, tên khác

3. Date and place of birth
 Ngày/Nơi sinh

02/02/1945 Trầm nhĩ - Hưng yên

4. Date and place of loss
 Ngày/Nơi mất

89/26 Huỳnh Thúc Kháng - Cần Thơ - Hậu Giang

5. Date and place of loss
 Ngày/Nơi mất

6. Current Occupation
 Nghề nghiệp hiện tại

B. Relative To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Only spouse and unmarried children are the only relatives eligible to
 accompany. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D),
 Widowed (W), Single (S).)

(CHÚNG TÔI CHỈ CẦN VÀ CON CÁI CÓ CHÊ CÙNG ĐI VỚI BẠN MÀ THÔI. KÊ KHAI TÌNH TRẠNG
 HÔN NHÂN: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

	Date of Birth Ngày/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Giới tính	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên hệ gia đình
1. Nguyễn Thị Tuyết	2/2/1945	Hưng yên	Nữ	Góa thê	Mẹ
2. Phạm Thị Nguyễn Linh Giảng				Cần Thơ - Nam	Chị - đi học
3. Phạm Nguyễn Nam Bình	14/07/1975	Cần Thơ	Nam	đi học	Con
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth
 certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced),
 widow's certificate (if widowed), identification cards (if available), and
 if any of the above accompanying relatives do not live with you, please note
 the address in Section C below.)

(CHÚNG TÔI CẦN MỘT BÀI KHAI SINH, KHAI HÔN (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng
 (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn
 không chung cư với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần C.)

2. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : Nguyễn Thị Tuyết

Position title
Chức-vụ : Thông-dịch viên

Agency/Company/Office
Số/Hang/Văn-Phòng : CONGEN Cần Thơ

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ 1968 Đến 1973

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: MR Allen C. Christian

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : RIF

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : Nguyễn Thị Tuyết

Position title
Chức-vụ : RADIO / TTY operator

Agency/Company/Office
Số/Hang/Văn-Phòng : ITT / FFC / ICCS Cần Thơ

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ 1973 Đến 1974

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: MR. BILL RYAN

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : Đi qua hàng không

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : Nguyễn Thị Tuyết

Position title
Chức-vụ : RADIO Operator

Agency/Company/Office
Số/Hang/Văn-Phòng : Mission Warden Cần Thơ

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ 1974 Đến 1975

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: MR Nelson

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : Mỹ rút quân

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam :

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: chồng : Phạm Văn Sang

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1968 Đến 30/04/1975

3. Last Rank Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng : Thiếu úy Số thẻ nhân-viên: 68/601 370

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Văn-Vị Binh-Chung : Không quân

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : /

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

: chính quyền sụp đổ (30/04/1975).

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam

: ^{liều bang TEXAS}
huấn luyện không quân ở Hoa Kỳ 2 năm

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đúng sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: Phạm Văn Sơn (chồng)

2. School and School address:

Trường và địa-chỉ nhà trường: ORDANCE School

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

1975

To

Tới:

30/04/1975

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

:

Sĩ-quan Không Quân Cu

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?

MACV

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

Phạm Văn Sơn

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

Từ:

25/06/1975

To:

Tới:

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên:

Date

Ngày:

27 Sept 1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name

Họ, Tên

:

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

:

c. Address

Địa-chỉ

:

d. Date of Relatives Arrival

in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

:

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

:

b. Relationship

Liên-hệ gia-đình

:

c. Address

Địa-chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

Cha

:

Nguyễn Thế Chúc

chết

2. Mother

Mẹ

:

Hoàng Thị Lý

chết

3. Spouse

Vợ/Chồng:

Phạm Văn Sơn

4. Former Spouse (if any)

Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children

Con cái:

(1)

Phạm Nguyễn Linh Giem

Sống

(2)

Phạm Nguyễn Nam Bình

Sống

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings

Anh chị em:

(1)

Em trai: Nguyễn Thế Xương

Sống

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

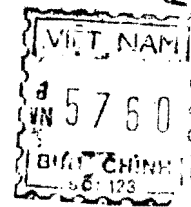
From: NGUYỄN THỊ TUYẾT

89/26 Huỳnh Thúc Kháng

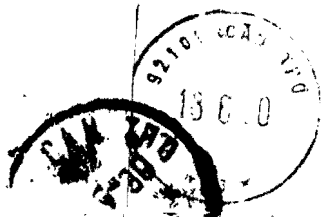
Cần Thơ - Hậu Giang

VIỆT NAM

MAY DAY
PAR AVION



JUL 10 1990



To: Mrs KHUÊ MINH THO

PO Box 5435

Arlington VA 2205-0635

U.S.A

Cần Thơ ngày 17 - 6 - 1990.

Kính thưa Bà,

Lời đầu tiên, chúng tôi dâng lên tới
chức tước và Thưa Ông Cháu (Thường Đệ)
đang đại diện Bà trong chức vụ Liên
tục tại miền Bắc những với những
tâm mà chỉ em phụ nữ đang gần gũi
Thưa Bà, chúng tôi được nghe và
thấy những công tác mà Bà đã thực hiện
qua công trình ai của Bà với các
các em phụ nữ không được may mắn
như chúng tôi. Thưa Bà, qua những
công việc làm đó, lòng tôi cũng ao ước
giết đến Bà những tâm thức đối với
lên nó kinh nghiệm đời với một con
người đầy lòng yêu thương như Bà.
Cần xin Bà nghĩ đến Ông Cháu tôi và tiếp
tục dùng Bà trong chức vụ liên tục, và
on phục vụ của Ông Cháu và trên đây xin Bà
cung gia đình.

Thưa bà, tôi tên là Nguyễn Tài Tuyết
sinh ngày 02. 02 - 1945 tại Trầm - Huế
Hàng đầu tiên di tản ai cũng tại số 89/26
Đường Huỳnh Thúc Kháng Cầu Thô, Trầm
Hải giang. Vào năm 1965 - 1968 tôi
giục và theo Tiểu đoàn ho chiến tranh
chính Trị (Hoth Polwar Ben) cấp bậc
Trung Sĩ I tham gia chiến đấu (tôi quên
mất số quân rồi). Mũi quân năm

1968 - 1973: Admin Specialist cho
cơ quan CORDS Hq Cầu Thô VGS 7/7
Kế: Mr. Roger Beaver

1973 - 1974: PAE / ICCS - Radio
operator Boss: Mr. Bill Ryan

1974 - 1975: Congen Cầu Thô - Radio
operator; Boss: Mr. William Nelson

Thưa bà còn nhớ tôi cũng 3' trong
bình chủng không quân cấp bậc Thiếu úy
chắc bà học hỏi của ông nhà. Nhớ từ
đó bị đi trong năm dài Hạo từ 1975 đến
nay giờ được 1 được trả tức gì cả

hầu như một tích hoặc chết sống ra
sao chúng tôi ở được rồi sau này tôi
có làm đơn lên hỏi bố hỏi về thi
Bà này đó qua bố được nộp hai
bản đó qua đó hai chữ một tờ
giấy bốn người phải không có, thì
thanh xin nhà mình cấp giấy học tập
cái tạo cho nhà tôi không mấy tháng
mấy vẫn chưa được. Trong trường hợp
mấy xin Bà giúp cho ý kiến là tôi
fải thuê bảy người vậy đến là quan
liên đến đó để được hưởng những điều mà
mẹ con tôi đang được nhận? Thì Bà
sau đây là một tiết và thời gian mà
nhà tôi đã phục vụ trong quân đội.

Tên : Phạm Văn Sang ở quê
68/601370 cấp bậc Huân úy.
1970-1972 : du học tại Mỹ học
lại Trung tâm ở Air Force Base.
1975 du học tại Mỹ về quân
sự ở Trường Ordinance School.
Thưa Bà, chúng tôi được hai cháu trai
Phạm Nguyễn Minh Giang sinh 1972 và

Định làm thư này suốt từ năm
vì cho ICS / cần thì.

cháu nhỏ tên Phạm Nguyễn Nam Bình sinh
năm 1975. Thưa Bà chúng tôi đã gọi
lì cô qua Thailand từ năm 1982 nhưng
cho đến nay mẹ con tôi cũng chưa
nhận được giấy tờ gì cả. Các bạn
đồng nghiệp với tôi trước đây người thì
có Lot người thì có IV number, với
hơn anh thiết bị xuất nhập của gia
đình tôi, cha mẹ tôi ngoài đời chết hết
chúng 15 năm nay, tìm tòi, tôi thì bách
huyền, mang trong người bình tiền tương
tương có phước thiên đều hi ở nhà tương
năm nhà chỉ chết các con thì báo đời,
cuộc sống vật chất thì thật cũng Bà già
ừ là khó khăn cho ba mẹ con tôi, con
về kinh thần chúng tôi đang sống trong đau
trên, sống trong sự thương xót và ân tứ
của Chúa Jesus Christ.

Vậy tôi mạo muội viết những dòng chữ
này đến Bà với đức mẹ và lòng yêu
thương kính mong Bà nhất nhất giúp đỡ
cho mẹ con tôi. Vô cùng cảm tạ Bà. 

LỜI DẶN

- Sổ do Bộ Nội vụ ban hành; không cơ quan đơn vị nào được tự tiện sửa đổi mẫu sổ.
- Mỗi hộ gia đình lập hai sổ: Một sổ do chủ hộ giữ, một sổ lưu tại cơ quan đăng ký hộ khẩu sổ tại.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa. Người cơ quan đăng ký hộ khẩu, không ai được tự ghi nội dung sự việc đăng ký vào sổ.
- Nếu cả hộ gia đình chuyển đến nông thôn, những nơi không lập sổ hộ khẩu gia đình hoặc đến tỉnh, thành phố, đặc khu khác thì công an cấp giấy chứng nhận chuyển đi thu lại sổ.
- Mất sổ phải báo ngay cho công an phường, xã, thị trấn ở tại.
- Cấm mua, bán hoặc cho mượn sổ.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

TỈNH HẬU GIANG

SỔ HỘ KHẨU GIÁ ĐÌNH

Họ và tên chủ hộ

Số nhà 1912 ngõ (hẻm)

Đường phố, xóm, ấp, bản

Phường, xã, thị trấn

Quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

QUYỀN SỐ:

(Khô 15 cm x 19 cm)

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển đến _____ _____ Đăng ký ngày — tháng — năm — Trưởng Công an (Ký tên, đóng dấu)	Chuyển đến _____ _____ Đăng ký ngày — tháng — năm — Trưởng Công an (Ký tên, đóng dấu)
Chuyển đến _____ _____ Đăng ký ngày — tháng — năm — Trưởng Công an (Ký tên, đóng dấu)	Chuyển đến _____ _____ Đăng ký ngày — tháng — năm — Trưởng Công an (Ký tên, đóng dấu)

THAY ĐỔI ĐỊNH CHÍNH KHÁC

Nội dung _____ _____ Ngày — tháng — năm — Trưởng Công an (Ký tên, đóng dấu)	Nội dung _____ _____ Ngày — tháng — năm — Trưởng Công an (Ký tên, đóng dấu)
Nội dung _____ _____ Ngày — tháng — năm — Trưởng Công an (Ký tên, đóng dấu)	Nội dung _____ _____ Ngày — tháng — năm — Trưởng Công an (Ký tên, đóng dấu)

Chê họ: _____

Số _____

Quan hệ với chủ hộ		8	9
Nội dung			
1. Họ và tên			
Tên thường gọi			
2. Ngày tháng năm sinh			
3. Nơi sinh			
4. Nam hay Nữ			
5. Nguyên quán			
6. Dân tộc			
7. Tôn giáo			
8. Số giấy CMND			
9. Nghề nghiệp và nơi làm việc			
10. Chuyển đến: — Ở đâu đến — Ngày đến			
11. Chuyển đi: — Đi đâu — Ngày đi			
Cơ quan ĐKKK	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng công an quận, huyện, ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên, cấp bậc)		

Chê họ: Nguyễn Văn (Chê) Nguyễn Văn (Chê) Số

Quan hệ với chủ hộ		1	2
Nội dung		Chú	Chú
1. Họ và tên		Nguyễn Văn (Chê)	Nguyễn Văn (Chê)
Tên thường gọi			
2. Ngày tháng năm sinh		2 - 2 - 1915	1922
3. Nơi sinh		Xã Trầm Núi - Huyện H.	Đa Phước - Cần Thơ
4. Nam hay Nữ		Nữ	Nữ
5. Nguyên quán		Trầm Núi - Huyện H.	Trầm Núi - Huyện H.
6. Dân tộc		Khmer	Khmer
7. Tôn giáo			
8. Số giấy CMND		3600 73345	241 12117
9. Nghề nghiệp và nơi làm việc		Thợ may	Học sinh
10. Chuyển đến: — Ở đâu đến — Ngày đến			
11. Chuyển đi: — Đi đâu — Ngày đi			
Cơ quan ĐKKK	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng công an quận, huyện, ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên, cấp bậc)		

★★ ITT/FEC ★★

ICCS

PROJECT



NGUYEN THI TUYET V-64302



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~360073245~~

Họ tên **NGUYỄN THỊ TUYẾT**

Sinh ngày **02-02-1945**

Nguyên quán **Trần Nhị,
Ấn Thi, xã Hải Ninh.**

Nơi thường trú **09/20 huyện-T-
Mường, xã Hải Ninh, huyện Hải Ninh.**

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Tin Lành



NGƯỜI TRÁI



NGƯỜI TRÁI PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Đặt dấu vân tay dưới
trước dưới mắt trái

Nhà in tháng 1 năm 1989

TRUNG TÂM IN SÁCH VÀ CHỮ ĐÓNG



Handwritten signature or initials.

Handwritten text, possibly a date or name.

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM

Phong-Dinh C.10

GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{re} INSTANCE DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THÚ NĂM

1972

(BỤC Nhứt)
degré

Extrait du registre des actes de mariage de l'année

LÀNG **Phủ-Thủ**

TỈNH

Phong-Dinh

(NAM-PHẦN)
(Sud Viet-Nam)

du village de

Province de

Năm **1972** Số hiệu

589

Acte No

Do án số 6040 ngày 8.2.1974

Kim-Son Công-Ty 3-73

Tòa Sơ Thẩm Phong-Dinh cơ tuyến
an như sau:

Bồi các lễ ấy:

Phán rằng:-

Đay sửa bộ hôn thú số

hiệu 589 năm 1972 tại làng

Phủ-Thủ (Phong-Dinh) không nơi

sinh của Phạm-văn-Sang là **Sài Gòn**

thay vì Long-Tuyên (Phong-Dinh).

Cước y án,

Cantho, ngày 03.5.1974

Chánh Lục Sự,

Lê-quang-Tốt (án ký)

Tên, họ người chồng

Nom et prénom de l'époux

Sanh tại chỗ nào

Lieu de la naissance

Sanh ngày nào

Date de la naissance

Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)

Nom et prénom du père de l'époux

(indiquer s'il est vivant ou décédé)

Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói)

Nom et prénom de sa mère (indiquer

s'il est vivante ou décédée)

Tên, họ người vợ

Nom et prénom de l'épouse

Vợ chánh hay vợ thứ

Son rang de femme mariée

Sanh tại chỗ nào

Lieu de la naissance

Sanh ngày nào

Date de la naissance

Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)

Nom et prénom du père de l'épouse

(indiquer s'il est vivant ou décédé)

Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói)

Nom et prénom de sa mère (indiquer

si elle est vivante ou décédée)

Ngày kết hôn

Date de mariage

Phạm-văn-Sang

Long-Tuyên (Phong-Dinh)

30.10.1948

Phạm-văn-Mười (chết)

Trần-thị-Ta

Nguyễn-thị-Tuyết

Vợ chánh

Trần-Nhị "Hưng-Yên"

02.02.1945

Nguyễn-thế-Chức (chết)

Hoàng-thị-Lý

21.10.1972

Trích y bản chánh

Pour extrait conforme

Cantho, ngày 09.05 1974

CHÁNH LỤC-SỰ,

LE GREFFIER EN CHEF,

Giá tiền 20.00

Cóut

Biên lai số 6068

Quittance No

- Lê-quang-Tốt-

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ- PHÁP

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHẦN

TÒA BIÊN HOA

Trích-lục văn-kiến thể-vì hộ-tịch lưu-trữ tại Phòng Lục-Sự
Toà H.Ư.R.Q. BIÊN HOA

Một bản chánh giấy thể-vì KHAI SANH

cấp-cho NGUYEN THI TUYET do Ô. BACH VAN LUY

(1) Ngày 28.8.1958

, Chánh-Án Tòa BIÊN HOA

Giấy thể-vì KHAI SANH

với tư-cách Thẩm-Phán Hòa-Giải, cấp ngày 28.8.1958

cho NGUYEN THI TUYET

và đã trước-bạ ;

(1) Số 4.607

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :



Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ - Tướng Chánh - Phủ Lâm - Thời Nam - Phần Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình - Luật Canh - Cải sửa - đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31 - 12 - 1912 và sau khi tuyên - thệ, quả quyết và biết chắc rằng :

NGUYEN THI TUYET

- sanh ngày mùng hai, tháng hai, năm một ngàn chín trăm bốn mươi lăm (2.2.1945),
- tại làng Trầm Nhị, tỉnh Hưng Yên,
- và là con của **NGUYEN THE CHUC** và **HOANG THI LY**.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH,

28 tháng 7 năm 19 60
CHÁNH LỤC-SỰ.

Lệ-phi: 58

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

—*—
Số : 1780/HT



TRÍCH LỤC AN NGUYÊN ĐƠN

10/X

Ngày ~~31~~ tháng ~~10~~ năm 1977

ĐƠN THẺ VÌ KHAI SANH CHO

Phạm-Nguyễn-Nam-Bình

Xét đơn của : Nguyễn-thị-Tuyết

1) Chứng nhân : Phạm-Nguyễn-Nam-Bình, nam, sinh ngày 14.7.1975 tại Phường An-Lạc Thành-Phố Can Tho Tỉnh Hậu-Giang, là con của Phạm-văn-Sáng và Nguyễn-thị-Tuyết./-

2) An này sẽ thẻ vì khai sinh cho : tên trên

Trước bạ tại Can Tho ngày 29.11.1977

Quyển 04 Tr 46 Số 114/45

Thêu Một công

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

Hậu Giang, ngày 16 tháng 5 năm 19 78

ỦY VIÊN THƯ KÍ HỘ TỊCH

Biên lai : 994

Giá tiền : 10 xu

-Trần-ngọc-Diệp-

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH PHONG-DINH

Quận CHAU-THANH

Xã LONG-TUYỀN
1506.

Số hiệu:



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 14 tháng 12 năm 1972

Tên họ đứa trẻ : PHẠM-NGUYỄN LINH-GIANG
Con trai hay con gái : Nam
Ngày sanh : Ngày 12 tháng 12 năm 1972
Nơi sanh : Long-tuyền
Tên họ người cha : Phạm-văn-Sáng
Tên họ người mẹ : Nguyễn-thị-Tuyết
Vợ chánh hay không có : Vợ chánh Hôn-thú số 589/1972
hôn-thú : Phấu-thú
Tên họ người đứng khai : Phạm-văn-Sáng

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

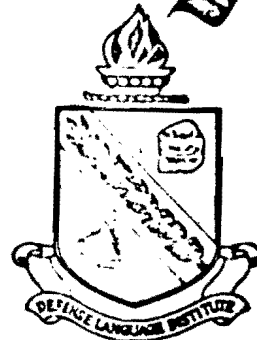
Long-tuyền ngày 9 tháng 1 năm 1972

Ủy-Viên Hộ-Tịch,

MIỄN THỊ THỰC



English Language School



Defense Language Institute

Be it known that

AC PHAM VAN SANG (VIETNAM)

has successfully completed the

AMERICAN LANGUAGE COURSE

at this institution and by authority of the
Department of Defense
is awarded this

Diploma

Given at Lackland Air Force Base, Texas this 30 day of SEPTEMBER 19 70

John P. Devine
Director of Instruction

Ed S. K. Lee
Commandant

- cưu Nhân. vớt số Mỹ
- chống tập trung của dân ở HN. học
Kế hoạch 1975 —

W.P. ?

Xếp

15/11/90